TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TRÀ MY** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2020/QĐST-HNGĐ	*Bắc Trà My, ngày 03 tháng* 6 *năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa:

- *N đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992.
Địa chỉ: thôn 02, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1992.
Địa chỉ: thôn 02, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Kỳ S, sinh ngày 24/6/2015. Giao cháu S cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh Hoàng Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Hoàng Kỳ S, sinh ngày 24/6/2015 mỗi tháng 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi cháu Sơn đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Hoàng Văn N không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đã thỏa thuận nêu trên thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi xuất do các bên thỏa thuận được quy định tại

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* và tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*, tổng cộng là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: 0011434 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã P, huyện Ph
(Giấy chứng nhận kết hôn số:13/2014 ngày 19/5/2014)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hồng Chi